

Bản án số: 92/2019/HS-ST
Ngày: 30/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Long - Nghề nghiệp: Giáo viên – Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương, thành phố K;

2/ Ông Trương Quang Ngọc - Nghề nghiệp: Chuyên viên – Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố K;

- Thư ký phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Siu B, sinh ngày 15/3/1999 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn P, Phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Siu T Nghiêm và bà Y T;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/9/2019 cho đến nay. (Có mặt).

2/ P, sinh ngày 12/10/1992 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Jum và bà Y P; có vợ là Y H và 01 con sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2019 cho đến nay. (Có mặt).

3/ A T, sinh ngày 15/01/1991 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Puih và bà Y P; có vợ là Y Y và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/9/2019 cho đến nay. (Có mặt).

4/ Nguyễn Trí B, sinh ngày 05/10/1996 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trí T và bà Trần Thị K;

Tiền án: Ngày 23/7/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 06 tháng 14 ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án số 39/2018/HS-ST; đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 84/2013/HSST (đã được xóa án tích).

Ngày 16/9/2019 bị cáo ra đầu thú. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

1/ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981

2/ Chị Phạm Thị Thùy S, sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Thôn P, Phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Cùng xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ A M, sinh ngày 01/02/2004; (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của A M là bà Y T, sinh năm 1968 (là mẹ, có mặt)
Cùng trú tại: Thôn P, Phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh A M, sinh năm 1995; (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, Phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11/8/2019, A M đến nhà Siu B, rủ Siu B đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì Siu B đồng ý. Siu B và A M đến nhà anh Phạm

Văn Tuấn tại thôn Plei Rơ Hai 1, phường Lê Lợi, thành phố K thấy không có ai ở nhà nên cả hai đi vòng ra sau, Siu B đứng ngoài cảnh giới, còn A M dùng tay gạt bung cửa phía sau nhà, đi vào trong lấy trộm 01 tivi hiệu TCL màu đen, 01 loa thùng màu đen cam hiệu Nanomax rồi cùng Siu B mang về cất giấu bên hông nhà Siu B. Lúc này A M và Siu B thấy có P ở nhà Siu B nên A M và Siu B kể P biết việc cả hai mới lấy trộm được ti vi và loa, đồng thời hỏi P có biết chỗ nào mua lại không. P lấy điện thoại gọi cho A T nói “Có ti vi và loa mới trộm được, muốn bán giá 1.500.000 đồng, có mua không?” thì A T đồng ý và nói P mang đến nhà mình.

A M đi về nhà mượn xe mô tô BKS 82B1-30055 của anh trai là A M, rồi cùng P mang tài sản trộm cắp được đến nhà A T. Sau đó, A T gọi điện cho Nguyễn Trí B hỏi “Có một cái ti vi và loa mới trộm được, có mua không?” thì Bảo đồng ý rồi bắt taxi đến nhà A T. Sau khi thỏa thuận, Bảo đưa 2.000.000 đồng cho A T và thuê taxi chở số tài sản trên về nhà mình sử dụng, còn A T đưa cho P số tiền 1.500.000 đồng và giữ lại 500.000 đồng tiêu xài hết. P đem 1.500.000 đồng chia cho Siu B, A M, P mỗi người 250.000 đồng, số còn lại cùng nhau tiêu xài chung hết.

Bản kết luận định giá số: 76/ĐG-TS ngày 28/8/2019, kết luận: 01 tivi hiệu TCL màu đen có giá trị 453.600 đồng, giá trị 01 loa thùng màu đen cam hiệu Nanomax là 4.333.470 đồng, tổng giá trị 02 loại tài sản là 4.787.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 94/CT-VKSTPKT ngày 20/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Siu B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo P, A T, Nguyễn Trí B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Siu B từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P và A T, xử phạt mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí B từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 03 điện thoại di động mà các bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng do phạm tội mà có. A M và các bị cáo A T Siu B, P cùng có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền này.

Án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 15 giờ ngày 11/8/2019, tại nhà anh Phạm Văn Tuấn và chị Phạm Thị Thùy Sa, địa chỉ thôn P, phường L, thành phố K, A M và bị cáo Siu B đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Tuấn và chị Sa 01 tivi và 01 loa thùng trị giá 4.787.000 đồng.

Cùng ngày, P, A T và Nguyễn Trí B không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ 01 tivi và 01 loa thùng là tài sản là do A M và bị cáo Siu B phạm tội mà có, nhưng P và A T đã mối giới và đứng ra bán tivi và loa thùng cho Nguyễn Trí B mua về để sử dụng với giá 2.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của A M và bị cáo Siu B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi mối giới, bán và mua tài sản do phạm tội mà có của các bị cáo P, A T, Nguyễn Trí B đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2] Vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Do đó cần phân hóa vai trò tham gia đồng phạm và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, như sau:

- Về tội trộm cắp tài sản: A M là người khởi xướng, chủ mưu rủ Siu B đi trộm cắp và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, do đó A M là người có vai trò thứ nhất trong vụ án, tuy nhiên khi phạm tội A M mới 15 tuổi 06 tháng 10 ngày tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó Cơ quan điều tra quyết định xử phạt hành chính đối với A M là đúng quy định. Siu B được A M rủ đi trộm cắp và đứng ngoài canh chừng cho A M thực hiện hành vi trộm cắp, do đó Siu B là đồng phạm giúp sức với vai trò thứ hai trong vụ án;

- Về tội tiêu thụ tài sản: Các bị cáo thực hiện hành vi tiêu thụ có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Siu B đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; hành vi của các bị cáo P, A T, Nguyễn Trí B đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tiếp tay cho hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là

nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Do đó phải xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xem xét về nhân thân của từng bị cáo, như sau:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Siu B, P, A T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Nguyễn Trí B đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm“ là tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Siu B, P, A T còn được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng“ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Trí B ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại người bị hại.

- Về nhân thân: Các bị cáo Siu B, P, A T đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nên. Riêng bị cáo Nguyễn Trí B đã bị xử phạt tù về hành vi “Cướp tài sản“ và hành vi “Cưỡng đoạt tài sản“ nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội nên có nhân thân xấu.

Xét các bị cáo Siu B, P, A T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên HĐXX áp dụng Điều 54 của BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật để cải tạo tốt sớm trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[3] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động cảm ứng, màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG (tạm giữ của bị cáo A T); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu FPT màu nâu (tạm giữ của bị cáo P); 01 điện thoại di động màu xanh cam, nhãn hiệu Bontel (do bị cáo Nguyễn Trí B tự nguyện giao nộp) các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã trả 01 xe mô tô BKS 82B1-300.55 cho anh A M và trả 01 tivi và 01 loa thùng cho anh Phạm Văn Tuấn và chị Sa là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo A T nhận của bị cáo Nguyễn Trí B từ việc bán Tivi và loa thùng, là số tiền do phạm tội mà có

nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. A M và các bị cáo A T, P và Siu B đã cùng tiêu xài hết số tiền 2.000.000 đồng này, nên phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước, trong đó phần nghĩa vụ của A M phải nộp 500.000 đồng; bị cáo A T, P và Siu B mỗi bị cáo phải nộp 500.000 đồng.

Trường hợp A M không có tài sản để nộp thì mẹ của A M là bà Y T phải có trách nhiệm nộp thay cho A M, theo quy định tại Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Anh A M đã cho A M mượn xe mô tô BKS 82B1-30055 nhưng không biết việc A M sử dụng chiếc xe này để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên cơ quan điều tra không xử lý về hành vi của A M là có cơ sở.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Siu B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tuyên bố các bị cáo P, A T, Nguyễn Trí B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Siu B: 05** (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **P: 05** (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/9/2019.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **A T: 05** (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/9/2019.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí B: **07** (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu trắng, có nhãn hiệu SAMSUNG; 01 (một) điện thoại di động màu xanh – cam, có nhãn hiệu Bontel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT, màu nâu.

(Các vật chứng trên đều có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng

ngày 26/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

7. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Siu B, P và A T mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền **500.000** (Năm trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước;

- Buộc A M phải nộp lại số tiền **500.000** (Năm trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Trường hợp A M không có tài sản hoặc không đủ tài sản để nộp thì bà Y T (mẹ của A M) phải có trách nhiệm nộp thay cho A M.

8. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Siu B, P, A T và Nguyễn Trí B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2019) các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà Y T, được quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND thành phố K;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Công an thành phố K;
- Chi cục THA DS thành phố K;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Kon Tum;
- Nhà Tạm giữ CA thành phố K;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài